TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 01 - 2024
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thái Quân

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa***: Ông Lưu Tiến Dũng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 343/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023, về tranh chấp "*Ly hôn*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: tổ B, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: tổ C, ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang.

(ông C và bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 02/10/2023 bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn ông Nguyễn Văn Cư T1 trình bày:

Ông và bà T sau khi tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 58, ngày 09/5/2016. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, về sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu về kinh tế gia đình, tiền bạc, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau,

bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đã nhiều lần sống ly thân và hàn gắn lại. Đến tháng 8 năm 2016, vợ chồng làm công nhân tại tỉnh Bình Dương thì xãy ra mâu thuẫn nên ông C bỏ đi, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không hàn gắn; hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có ý kiến nào khác.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không có lời trình bày.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Hôn nhân của ông C và bà T được xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hàn gắn được sau thời gian dài ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được nay yêu cầu ly hôn với ông C nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề xuất nội dung giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà T nên xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: bà Nguyễn Thị T là bị đơn có nơi cư trú tại ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Ông C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông, bà theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: ông C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà T. Xét chứng cứ có trong hồ sơ cùng kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa thể hiện, hôn nhân của ông, bà được xác lập năm 2016 trên cơ sở tự tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân từ tháng 8 năm 2016 đến nay, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng sau thời gian dài ly thân mà ông bà mỗi người sinh sống mỗi nơi, không ai quan tâm ai, từ đó tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, ông C yêu cầu ly hôn là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận lời trình bày của đương sự không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì ông, bà phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: ông C phải chịu án phí theo qui định pháp luật. Bà T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26; khoản 5, khoản 6 Điều 27 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C.

1. Về hôn nhân: ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí hôn nhân, gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006525 ngày 04/10/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (đã nộp đủ). Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND xã Hoà Lạc, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Bích Tuyền